TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 339/2025/HS-PT
Ngày: 17-6-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- *Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có*:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Quốc Cường
Các Thẩm phán: ông Lê Văn Thường
ông Nguyễn Tấn Long

- *Thư ký phiên tòa*: bà Đinh Thị Trang - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa*: ông Lê Ra và bà Phan Thị Xuân Thanh - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 243/2025/TLPT-HS ngày 22/5/2025 đối với bị cáo Võ Thị Thủy T về tội "Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép".

Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 48/2025/HS-ST ngày 10/4/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 1685/2024/QĐXXPT-HS ngày 04/6/2025.

1. Bị cáo có kháng cáo:

Họ tên: Võ Thị Thủy T (tên gọi khác: không), sinh ngày 24/01/1985 tại tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: tổ dân phố B, phường B, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; giới tính: Nữ; trình độ văn hoá: 12/12; nghề nghiệp: không; con ông Võ Hữu N và con bà Trần Thị Nam K; có 03 con, con lớn nhất sinh năm 2008 và con nhỏ nhất sinh năm 2019; tiền án, tiền sự: không.

Bị cáo bị bắt ngày 04/5/2024, có mặt tại phiên tòa.

2. Người bào chữa cho bị cáo: Luật sư Hoàng Quảng L - Công ty L2, thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Q, có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên toà, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Từ năm 2023 đến năm 2024, xuất phát từ động cơ vụ lợi, mặc dù không có chức năng, thẩm quyền quản lý xuất nhập cảnh, tổ chức xuất khẩu lao động Nguyễn Anh C (SN: 1979, HKTT: TDP2, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình, là người Việt Nam hiện đang định cư tại Cộng hòa Liên bang Đ) đã móc nối với Võ Thị Thủy T, Trần Văn H, Lương Minh Đ, tìm kiếm, giao dịch với những người Việt Nam có nhu cầu lao động tại các nước châu Á, sau đó tổ chức cho họ xuất cảnh trái phép. Cụ thể:

Về mối quan hệ giữa Nguyễn Anh C, Võ Thị Thủy T, Trần Văn H, Lương Minh Đ và mối liên quan với hành vi phạm tội trong vụ án:

- Đối với Nguyễn Anh C và Võ Thị Thủy T: C và T đều là người gốc Quảng Bình, hai người quen nhau khi cả hai đang sống tại Cộng hòa liên bang Đ. Khoảng giữa năm 2023, khi đang ở Việt Nam, T biết C có khả năng làm thị thực nhập cảnh Ba Lan ký hiệu "D" (thị thực quốc gia Ba Lan) cho người Việt Nam có nhu cầu đi C lao động nên T đã đặt vấn đề với C về việc làm thị thực Ba Lan cho Nguyễn Cát S (là người yêu của T, sống chung như vợ chồng) để sang C lao động. Đồng thời T cũng ngỏ lời muốn tham gia cùng C trong việc xin thị thực Ba Lan loại "D" cho người Việt Nam đang sống tại Việt Nam. C đã trao đổi với T rằng C có đầu mối có thể làm thị thực trực tiếp tại Ba Lan, khách ở Việt Nam không cần phải lăn tay, không cần phải phỏng vấn tại Đại sứ quán B tại Việt Nam, không cần nộp hồ sơ trực tiếp cho Đại sứ quán B tại Việt Nam. Thị thực Ba L1 mà C làm cho khách là thị thực Ba Lan loại D với mục đích của thị thực là lao động tại Ba Lan; kèm theo thị thực thì C còn làm hợp đồng lao động cho khách. Việc làm hợp đồng này của Nguyễn Anh C với mục đích khai báo gian dối với cơ quan chức năng vì C biết rõ số khách này không đủ điều kiện xuất cảnh. Ngoài ra, việc xin thị thực nhập cảnh Ba Lan với mục đích lao động tại Ba Lan là không đúng với sự thật, số khách sẽ không làm việc theo như hợp đồng do C làm mà sau khi nhập cảnh thành công sang Ba Lan sẽ đi tiếp sang Đức, sau đó mới tìm việc làm ở Đức.

C và T thống nhất sẽ đưa ra đối với một khách là khoảng 16.000 EURO tuỳ thời điểm, chi phí này có thể thay đổi chứ không cố định. Công việc của T tại Việt Nam là liên hệ nhận hộ chiếu của khách và gửi sang Đ cho C, nhận tiền từ khách và chuyển cho C. Khi C làm xong thị thực Ba L1 và hợp đồng lao động thì gửi về Việt Nam cho T và T đưa cho khách, sau đó khách được T hướng dẫn ra sân bay để xuất cảnh sang Ba Lan và tuỳ theo bộ hồ sơ mà T được giữ lại khoảng 5000 EURO/01 khách, trong số tiền này T sẽ chi trả vé máy bay cho khách, còn lại T thu lợi cá nhân.

- Đối với Nguyễn Anh C và Trần Văn H: C và H quen biết nhau khi cả hai cùng đang sống tại Cộng hòa Liên bang Đ. H biết C có thể làm được thị thực Ba Lan, khách không cần phỏng vấn, lăn tay, không cần nộp hồ sơ trực tiếp tại Đại

sứ quán B tại Việt Nam nhưng vẫn có được thị thực nên H đã tham gia cùng với C.

- Đối với Nguyễn Anh C và Lương Minh Đ: C là cậu ruột của Đ, vì biết Đ đang làm việc tại Cảng vụ hàng không miền T, thành phố Đà Nẵng nên C đã nhờ Đ hỗ trợ xuất cảnh cho khách.

Về việc tổ chức cho Thái Bá H1 xuất cảnh sang Ba Lan trái phép:

Vào năm 2023, Thái Bá H1 đã liên lạc với Nguyễn Anh C để làm hồ sơ xin thị thực Ba Lan loại "D" với mục đích đi lao động. Đến khoảng tháng 01/2024, Nguyễn Anh C liên hệ nhờ Võ Thị Thủy T nhận hộ chiếu có dán thị thực Ba Lan, hợp đồng lao động Ba Lan của Thái Bá H1, đồng thời C nhờ T hướng dẫn cho H1 xuất cảnh đi Ba Lan vào ngày 12/01/2024 tại Cảng hàng không quốc tế N4. Theo chỉ đạo của C, T hướng dẫn cho H1 cách khai báo đối phó với Hải quan và Thái Bá H1 đã xuất cảnh trái phép trót lọt qua Ba Lan vào ngày 12/01/2024.

Trong việc giúp sức cho C tổ chức cho Thái Bá H1 xuất cảnh trái phép, T đã thu lợi bất chính 3.000.000 đồng.

Về việc tổ chức cho Đoàn Thị H2, Phạm Văn T1 xuất cảnh sang Ba Lan trái phép:

Vào giữa năm 2023, Đoàn Thị H2 và Phạm Văn T1 thông qua các mối quan hệ đã liên hệ được với một đối tượng tên "V" (chưa rõ lai lịch; là bạn của Nguyễn Anh C; đang định cư tại Đức) để làm hồ sơ xuất cảnh sang Ba Lan. Chi phí làm hồ sơ là 11.000 USD nhưng vì là qua người quen giới thiệu nên khi nào qua đến Ba Lan thành công thì H2 và T1 mới thanh toán tiền cho "V".

Khoảng tháng 10/2023, theo hướng dẫn của "V", Đoàn Thị H2 và Phạm Văn T1 đã gửi hộ chiếu kèm theo 4.000.000 VNĐ cho một tài xế taxi (chưa rõ lai lịch) với mục đích đưa hộ chiếu của hai người này đi xin thị thực B, số tiền này là tiền chi phí gửi hộ chiếu từ Việt Nam sang Đức. Sau đó, hộ chiếu của T1 và H2 đã được gửi sang Đức cho Nguyễn Anh C để tiến hành xin thị thực (chưa rõ thông qua dịch vụ chuyển phát nào).

Khoảng ngày 20/4/2024, theo sự hướng dẫn của "V", Đoàn Thị H2 và Phạm Văn T1 ra Hà Nội để đợi làm thủ tục xuất cảnh đi Ba Lan vào ngày 23/4/2024. Cũng trong thời gian này, Nguyễn Anh C đã liên hệ với Võ Thị Thủy T để nhờ T nhận giúp 02 cuốn hộ chiếu có dán thị thực Ba Lan và 02 hợp đồng lao động tiếng Ba Lan của Phạm Văn T1 và Đoàn Thị H2 để khai báo khi xuất cảnh. Đồng thời, C nhờ T hướng dẫn cho 02 khách này xuất cảnh vào ngày 23/4/2024 tại Sân bay Quốc tế N. Võ Thị Thủy T đồng ý và đã nhờ Trần Quốc A (SN: 1969; đang định cư tại Đức; là cậu của T) chuyển phát giúp số hộ chiếu và hợp đồng lao động nói trên về Việt Nam cho T. Sau đó Trần Quốc A đã sử dụng dịch vụ chuyển phát quốc tế (chưa rõ đơn vị nào) để chuyển số hộ chiếu và tài liệu này về Hà Nội cho

T. Vì thời điểm này T không ở Hà Nội nên T đã nhờ Lê Văn Q (nhân viên Sân bay quốc tế N) nhận và giữ giúp thị thực và hợp đồng lao động của T1 và H2. Bản thân Trần Quốc A và Lê Văn Q vì mối quan hệ thân thiết nên đồng ý giúp T chứ không rõ bản chất của số thị thực và tài liệu nói trên được làm như thế nào, không biết rõ hai người này xuất cảnh trái phép .

Ngày 21/4/2024 Nguyễn Anh C đã chuyển khoản cho T 50.000.000 VNĐ để T mua vé máy bay, bảo hiểm, đặt khách sạn cho 02 người này. Tối ngày 22/4/2024, Đoàn Thị H2 và Phạm Văn T1 được Võ Thị Thủy T liên hệ và hướng dẫn thủ tục trước khi bay vào ngày 23/4/2024. T đã lập nhóm zalo và thêm H2, T1 vào nhóm. Ngoài ra, T đã nhờ Lê Văn Q hỗ trợ thủ tục xuất cảnh cho 02 khách này và thêm Q vào nhóm. Trong nhóm thì T đã hướng dẫn cho H2 và T1 khai báo gian dối khi thực hiện thủ tục xuất cảnh, cụ thể như: Khai xin thị thực Ba Lan này tại Đại sứ quán B tại địa chỉ Chùa một cột – Hà Nội (thực tế quy trình xin thị thực này không đúng như nội dung mà T hướng dẫn khách khai báo); khai chi phí làm hồ sơ chỉ 4.000.000 VNĐ để đúng với chi phí phải nộp khi xin thị thực tại Đại sứ quán B tại Việt Nam…

Sáng ngày 23/4/2024, H2 và T1 theo sự hướng dẫn của Võ Thị Thủy T có mặt tại Sân bay quốc tế N để chuẩn bị thủ tục bay sang Ba Lan. Tại đây, H2 và T1 gặp T, Q và Nguyễn Cát S (S đi cùng T). Tuy nhiên, khi H2, T1 đang làm thủ tục xuất cảnh thì bị phát hiện thị thực giả và bị Công an Cửa khẩu Cảng hàng không quốc tế N5 mời vào làm việc, lấy lời khai.

Về việc tổ chức cho Bùi Kiều H3, Nguyễn Phi N1, Nguyễn Mạnh H4, Dương Hải N2 xuất cảnh trái phép:

- Vào giữa năm 2023, Bùi Kiều H3, Nguyễn Phi N1, Nguyễn Mạnh H4 và Dương Hải N2 thông qua các mối quan hệ đã liên lạc với Võ Thị Thủy T để làm hồ sơ xin thị thực đi Ba Lan lao động. Theo yêu cầu của T, toàn bộ số khách này đã thanh toán đầy đủ các chi phí làm hồ sơ xin thị thực để xuất cảnh đi Ba Lan, cụ thể:

+ Đối với Bùi Kiều H3: Lần 1, ngày 20/12/2023, H3 thanh toán tiền mặt cho T 2.000 EURO; Lần 2, ngày 26/12/2023, H3 thanh toán tiền mặt 6.000 EURO; Lần 3, ngày 19/01/2024, H3 chuyển khoản 229.000.000 VNĐ vào tài khoản 0817 901 901 của T (ngân hàng V3).

+ Đối với Nguyễn Phi N1: Lần 1, N1 đặt cọc tiền mặt cho T 8.000 EURO (chưa rõ ngày); Lần 2, ngày 10/01/2024, N1 chuyển khoản 260.000.000 VNĐ vào tài khoản 0817 901 901 của T; Lần 3, ngày 18/01/2024, N1 chuyển khoản 11.500.000 VNĐ vào tài khoản 0817 901 901 của T.

+ Đối với Dương Hải N2: Lần 1, ngày 29/10/2023, anh ruột của N2 (Dương Đức V1; SN: 1992; đang định cư tại Đức) thông qua dịch vụ chuyển tiền đã chuyển

khoản cho T 30.000.000 VNĐ vào tài khoản 0817 901 901 của T; Lần 2, ngày 09/12/2023, N2 và anh ruột thông qua dịch vụ chuyển tiền đã chuyển khoản cho T 156.300.000 VNĐ vào tài khoản 0817 901 901 của T; Lần 3, ngày 19/01/2024, N2 và anh ruột thông qua dịch vụ chuyển tiền đã chuyển khoản cho T 156.300.000 VNĐ vào tài khoản 0817 901 901 của T.

+ Đối với Nguyễn Mạnh H4: H4 được Dương Thị Mai P (SN: 1979, trú tại: T, xã Q, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; đang định cư tại Đức, là hàng xóm của H4) giới thiệu Võ Thị Thủy T, P đã nhờ T làm hồ sơ đi C lao động giúp cho H4. Vì P đang ở Đức nên P đã nhờ em dâu là Võ Thị Thúy H5 nhận giúp tiền từ H4 để chuyển cho T số tiền 19.500 EURO (trong đó P được hưởng hoa hồng là 3500 EURO). Võ Thị Thúy H5 đã nhận tiền mặt từ Nguyễn Mạnh H4 (03 lần: 17/5/2023; 21/7/2023; 27/12/2023) và H5 đã gửi lại cho T 16.000 EURO (khi nhận tiền thì H5 không được hưởng lợi gì, và không biết rõ việc tổ chức xuất cảnh trái phép của Võ Thị Thủy T).

Tổng số tiền Võ Thị Thủy T nhận từ 4 người khách trên là 32.000 EURO và 927.900.000 VNĐ, sau đó đã tiến hành thanh toán tiền cho Nguyễn Anh C, tổng cộng: 641.878.000 VNĐ (chuyển khoản) và 15.000 EURO (tiền mặt) vào các số tài khoản ngân hàng do C cung cấp (tài khoản người quen của C): Số tài khoản T6 8686866; V4 mang tên Vũ Thị Uyển T2; Số tài khoản M1 0845667373 mang tên Lê Thị Hồng H6 (SN: 1999; HKTT: Trúc Ly, V, Quảng Ninh, Quảng Bình).

Trong quá trình làm hồ sơ xin thị thực Ba Lan, theo yêu cầu của Võ Thị Thủy T thì Bùi Kiều H3, Nguyễn Phi N1, Nguyễn Mạnh H4 và Dương Hải N2 đã nộp hộ chiếu, ảnh thẻ và ký hợp đồng làm thị thực với T. Ngoài ra, T không yêu cầu 04 cá nhân này nộp giấy tờ gì khác. Sau khi nhận được hộ chiếu của 04 người khách trên, Võ Thị Thủy T đã gửi số hộ chiếu này qua Đ cho Nguyễn Anh C để C xin thị thực cho H3, N1, H4 và N2 bằng dịch vụ chuyển phát quốc tế (chưa xác định được đơn vị vận chuyển nào).

Tháng 01 và 02/2024, Nguyễn Anh C đã gửi cho T hình ảnh các hợp đồng lao động Ba Lan của 04 người khách trên. Sau đó T đã chuyển tiếp cho 04 khách và thông báo là đã có chấp thuận lao động ở Ba Lan cho số khách này.

Đầu tháng 3/2024, C trao đổi với T về lịch xuất cảnh đi Ba Lan của Bùi Kiều H3, Nguyễn Phi N1, Nguyễn Mạnh H4 vào ngày 08/3/2024. Sau đó, T đã thông báo lại cho H3, N1, H4 và yêu cầu 03 người này ra Hà Nội để làm thủ tục xuất cảnh. Tiên có lập nhóm zalo (tên: "Nhóm Bay 8/3") để thông báo, hướng dẫn xuất cảnh cho số khách này. Đồng thời, T là người đi cùng với Bùi Kiều H3, Nguyễn Mạnh H4, Nguyễn Phi N1 ra Hà Nội để hướng dẫn cho số khách này xuất cảnh.

Đến đêm ngày 07/3/2024, khi H3, H4, N1 đã ra Hà Nội và chờ T hướng dẫn xuất cảnh, T liên hệ với C, nhưng C trao đổi là khả năng thị thực của 03 khách này gửi về Việt Nam chưa kịp, nên C và T đã thống nhất nói với khách bịa ra lý do chưa bay được là do bên C đang đình công. Cùng lúc đó, H3, H4, N1 kiểm tra hình ảnh thị thực mà T gửi cho 03 người này qua zalo thì phát hiện thông tin cá nhân trên thị thực bị sai so với thực tế, nên thông báo cho T biết. T sau khi biết thì đã nói lại cho Nguyễn Anh C và C trao đổi với T là sẽ liên hệ lại với bộ phận làm thị thực để chỉnh sửa lại thông tin, đồng thời sẽ tạm hoãn lại việc gửi thị thực về Việt Nam, đợi khi nào có thị thực đã sửa rồi mới gửi về cho 03 khách này.

Sau khi trao đổi với C, T đã báo lại cho H3, H4, N1 là vì lỗi kỹ thuật của nhân viên làm thị thực bên Ba Lan và yêu cầu H3, H4, N1 tiếp tục chờ đợi để làm lại thị thực mới, chờ đến ngày 18/3/2024 sẽ có lịch xuất cảnh sang Ba Lan, nhưng đến này 18/3/2024 thì khách cũng không thể bay được vì Nguyễn Anh C chưa gửi thị thực về Việt Nam kịp. Tại thời điểm này, bản thân T vẫn tin tưởng thị thực Ba L1 mà C làm cho khách là thị thực thật chứ không phải thị thực giả (nhưng T vẫn nhận thức rõ thị thực được làm ra sai quy trình).

Riêng đối với Dương Hải N2: Tháng 02/2024, Võ Thị Thủy T cũng đã thông báo N2 đã có thị thực và chụp hình ảnh thị thực Ba Lan qua zalo Cho N2. Tuy nhiên vì Nguyễn Anh C chưa gửi thị thực về Việt Nam kịp nên vẫn chưa đặt được lịch bay cho Dương Hải N2.

Khi thấy bị thông báo hoãn bay nhiều lần và vì đã đóng hết tiền mà chưa có thị thực, Bùi Kiều H3, Nguyễn Phi N1, Nguyễn Mạnh H4, Dương Hải N2 đã nhiều lần nhắn tin hỏi T. T đã viết giấy cam đoan cho số khách này nếu không bay được thì T sẽ hoàn lại tiền cọc (việc này T có trao đổi với C). Ngày 24/3/2024, Võ Thị Thủy T đã hoàn lại một phần tiền cọc cho Bùi Kiều H3, Nguyễn Phi N1 và Nguyễn Mạnh H4 (mỗi người 75.000.000 VNĐ) vì 03 khách này yêu cầu hoàn một phần tiền, lý do yêu cầu hoàn tiền là vì thị thực chưa có nhưng đã thanh toán hết tiền.

Sau đó, ngày 02/4/2024, T đã lập nhóm zalo "Nhóm đợi nhận thị thực và lịch bay lần cuối" và thêm C, H3, N2, N1, H4 vào nhóm. Tại đây, Nguyễn Anh C đã giải thích lý do bị chậm trễ thị thực nhiều lần và cam kết cố gắng hết khả năng để xin thị thực cho 04 người nêu trên trong thời gian sớm nhất. Trong nhóm thì C và số khách này cũng xảy ra tranh cãi, đồng thời C cũng nói về việc số khách này thực tế sẽ không nhập cảnh Ba Lan để lao động theo hợp đồng (vì không đủ điều kiện để xuất cảnh nên mới sử dụng hợp đồng lao động để khai báo đối phó lúc xuất cảnh) nên nếu khách muốn kiện thì cũng không được vì bản thân khách cũng vi phạm pháp luật. Vì tin tưởng C, nên T tiếp tục cùng với C cho số khách trên xuất cảnh như hứa hẹn.

Ngày 22/4/2024, T và C nhắn tin lên nhóm này yêu cầu nhóm H3, N1, H4, N2 chờ đợi lịch bay, dự kiến đặt lịch cho Dương Hải N2 bay trước vào ngày 26/4/2024, Nguyễn Mạnh H4, Nguyễn Phi N1 bay ngày 29/4/2024, Bùi Kiều H3 bay ngày 30/4/2024. Tuy nhiên, vào ngày 23/4/2024 thì Phạm Văn T1 và Đoàn Thị H2 khi xuất cảnh tại Sân bay N thì bị phát hiện thị thực giả nên số khách này tiếp tục bị hoãn lại. Liền ngay sau khi bị Công an Cửa khẩu N5 kết luận 02 thị thực của T1 và H2 là thị thực giả, T chất vấn C về số thị thực Ba Lan mà C làm, C tiếp tục khẳng định thị thực của C làm là thị thực thật và có gửi T xem hình ảnh tin nhắn telegram giữa C với người làm thị thực (Phê-rô 3), về việc người này khẳng định thị thực là thị thực gốc, có mã QR. Tuy nhiên, vì Tiên cảm T3 thị thực mà C làm cho khách là nguy hiểm (một bên Công an Cửa khẩu Cảng hàng không Quốc tế N5 kết luận là thị thực giả, một bên là người làm thị thực ở nước ngoài khẳng định là thị thực thật), nên T không biết tin vào ai, do đó C và T thống nhất việc để cho một mình C tiếp tục sắp xếp cho khách bay đi Ba Lan, chuyển hướng sang xuất cảnh tại Sân bay quốc tế Đ. T sẽ không tham gia vào nữa, mà để cho C thu xếp cho Dương Hải N2 bay trước vào ngày 30/4/2024, nếu tại Cảng hàng không quốc tế Đ2 khách xuất cảnh được thì tính tiếp cho số khách Bùi Kiều H3, Nguyễn Mạnh H4, Nguyễn Phi N1. Mục đích của T và C vẫn là để cho số khách này được xuất cảnh trái phép theo như thoả thuận ban đầu.

Ngày 26/4/2024, Nguyễn Anh C đã gửi thị thực Ba Lan (kèm hợp đồng lao động) của Dương Hải N2 từ Đức về Việt Nam và nhờ Trần Văn H nhận. Theo yêu cầu của C, H đã chuyển thị thực và hợp đồng của N2 vào Đà Nẵng cho Lương Minh Đ (là cháu ruột của C) để Đ hướng dẫn cho Dương Hải N2 xuất cảnh. Vì biết Dương Hải N2 không đủ điều kiện để xuất cảnh hợp pháp và thị thực của C làm cho N2 là có vấn đề, nên H yêu cầu Đ khi nhận được thị thực và hợp đồng của N2 thì phải xé hộp bưu phẩm đi, không được giữ lại. Vì biết rõ Dương Hải N2 không đủ điều kiện để xuất cảnh hợp pháp, Nguyễn Anh C đã trao đổi và thống nhất với Đ về lộ trình của Dương Hải N2 sẽ đi từ Việt Nam sang Thái Lan với mục đích du lịch sau đó sẽ tiếp tục từ Thái Lan bay sang Ba Lan. Đ đã hướng dẫn cho N2 khai báo xuất cảnh đi Thái Lan du lịch, sau đó quay về. Ngày 30/4/2024, khi thực hiện thủ tục chuẩn bị xuất cảnh thì Dương Hải N2 bị Công an Cửa khẩu Cảng hàng không Quốc tế Đ2 phát hiện trên hộ chiếu có gắn thị thực Ba Lan giả.

Đối với việc tổ chức cho công dân Trần Thanh V2 xuất cảnh :

Khoảng cuối năm 2023, Trần Thanh V2 đã thông qua con gái ruột (Trần Diễm Q1, hiện đang định cư tại Đức nên chưa lấy lời khai) liên hệ với một đối tượng (chưa rõ lai lịch) để làm hồ sơ xin thị thực đi Ba Lan lao động. Vì Q1 là người liên lạc với đối tượng làm hồ sơ cho V2 nên V2 không rõ thủ tục cụ thể như thế nào. Khoảng tháng 01/2024, theo sự hướng dẫn của con gái, V2 gửi hộ chiếu

gốc, ảnh thẻ bằng đường nhà xe cho người sẽ phụ trách làm thị thực cho V2, chi phí thanh toán làm thị thực thì V2 không rõ.

Ngày 26/4/2024, Nguyễn Anh C nhờ Trần Văn H nhận giúp thị thực Ba Lan (kèm hợp đồng lao động) của Trần Thanh V2 từ Đức về Việt Nam. Sau đó, H cũng đã chuyển thị thực và hợp đồng của V2 vào Đà Nẵng cho Lương Minh Đ để Đ hướng dẫn cho V2 cùng với N2 xuất cảnh.

Ngày 27/4/2024, Trần Thanh V2 được Lương Minh Đ liên lạc thông báo rằng V2 đã có thị thực đi Ba Lan. Sau đó, ngày 29/4/2024, V2 từ Quảng Bình vào Đà Nẵng và được Đ sắp xếp chỗ ở để chờ bay sang Ba Lan vào ngày 30/4/2024, V2 đã nhận từ Đ hộ chiếu gốc có dán thị thực, hợp đồng lao động Ba Lan. Lương Minh Đ đã lập nhóm zalo gồm Đ, V2 và Dương Hải N2 (nêu trên) vì V2 và N2 sẽ cùng bay đi Ba Lan tại Sân bay Đ vào ngày 30/4/2024. Đ đã hướng dẫn cho V2 khai báo giống như hướng dẫn cho N2 khi làm thủ tục xuất cảnh. Ngày 30/4/2024 khi Trần Thanh V2 thực hiện thủ tục xuất cảnh cùng Dương Hải N2 thì bị Công an Cửa khẩu Cảng hàng không quốc tế Đ2 phát hiện thị thực giả, không cho xuất cảnh.

Đối với việc tổ chức cho 02 công dân Nguyễn Quang Đức D, Nguyễn Văn H7 xuất cảnh:

- Khoảng giữa năm 2023, Nguyễn Quang Đ1 Dủng thông qua các mối quan hệ xã hội đã liên lạc được với đối tượng tự xưng là "H4" (chưa rõ lai lịch; bạn của Nguyễn Anh C). "H4" hứa hẹn sẽ có đầu mối làm hồ sơ xin thị thực cho D đi Ba Lan với mục đích lao động tại Ba Lan, tuy nhiên sẽ không làm việc theo hợp đồng. Chi phí mà D phải trả là 17.000 EURO (tương đương với khoảng 470.000.000 VNĐ).

Theo yêu cầu của "H4", D đã gửi bản gốc hộ chiếu qua cho zalo cho H4 (Số đăng ký zalo là đầu số +49 của Cộng hòa liên bang Đ1). Ngoài ra, "H4" không yêu cầu D cung cấp giấy tờ gì khác. Dủng đã cọc tiền mặt cho "H4" 122.000.000 VNĐ qua một người quen của "H4" (chưa rõ lai lịch). Sau đó, theo đề nghị của "H4", ngày 21/01/2024, D đã ra tiệm vàng tại Quảng Bình để nhờ chuyển khoản 135.000.000 VNĐ vào một số tài khoản 0906596333 mở tại ngân hàng M2 tên Nguyễn Thị D1 mà "H4" cung cấp. Tổng cộng D đã cọc cho "H4" 257.000.000 VNĐ. Sau đó, "H4" yêu cầu Dủng đợi qua tháng 02/2024 sẽ có lịch bay đi Ba Lan.

Trong quá trình làm thị thực, Nguyễn Quang Đ1 Dủng còn được Võ Thị Thủy T liên hệ qua zalo. Theo chỉ đạo của C, T thông báo cho D là đã có thị thực Ba L1 và gửi hình ảnh thị thực của D cho D xem. Theo dự định ban đầu, T sẽ là người đặt vé máy bay và hướng dẫn cho D xuất cảnh, nhưng sau đó thì T và C thống nhất để cho C lo liệu cho D sẽ xuất cảnh vào ngày 30/4/2024.

Đến khoảng ngày 26/4/2024, D được "H4" thông báo là sẽ có lịch bay vào ngày 30/4/2024, xuất cảnh tại Sân bay Quốc tế Đ. Sau đó, D được "H4" cho số điện thoại của Lương Minh Đ để D liên lạc qua zalo. Cũng trong ngày 26/4/2024, Nguyễn Anh C đã liên hệ và nhờ Trần Văn H nhận giúp thị thực Ba L1 và hợp đồng lao động của Nguyễn Quang Đức D (cùng với thị thực, hợp đồng của Dương Hải N2, Trần Thanh V2 nêu trên) và nhờ H gửi số tài liệu, đồ vật này về Đà Nẵng cho Lương Minh Đ để Đ hướng dẫn cho D xuất cảnh. Sau đó, D đã được Lương Minh Đ hướng dẫn khai báo xuất cảnh tương tự như Dương Hải N2 và Trần Thanh V2. Ngày 30/4/2024, D xuất cảnh thành công từ T sang Thái Lan, nhưng khi đến Thái Lan chuẩn bị đi Ba Lan thì bị Hải quan Thái Lan phát hiện thị thực giả sau đó D đã nhập cảnh trở về Việt Nam.

- Cuối năm 2023, Nguyễn Văn H7 thông qua quan hệ xã hội được giới thiệu và liên hệ với một đối tượng sử dụng tài khoản zalo có tên "Toa Lững Mật" (chưa rõ lai lịch). Đối tượng này hứa hẹn sẽ đưa H7 sang Ba Lan lao động. "Toa Lững Mật" và Nguyễn Văn H7 thống nhất sau khi Hoàng qua được Ba L1 thì tiền lương hằng tháng của H7 sẽ trừ dần vào chi phí xuất cảnh, chứ không lấy tiền trước.

Theo hướng dẫn của "T7", Nguyễn Văn H7 đã cung cấp hộ chiếu và ảnh thẻ của bản thân cho Võ Thị Thủy T. Đối với T, T được C chỉ đạo là nhận hộ chiếu gửi qua cho C để C làm thị thực Ba Lan loại "D" cho H7. Bản thân T cũng biết rõ việc làm thị thực Ba Lan cho H7 cũng như số khách trên đều không tuân thủ theo quy trình làm thị thực theo quy định, và bản thân H7 cũng không đủ điều kiện để xuất cảnh sang Ba Lan. Theo chỉ đạo của C, T cũng sẽ là người đặt vé máy bay cho Nguyễn Văn H7 xuất cảnh sang Ba Lan. nhưng sau vụ việc của Phạm Văn T1 và Đoàn Thị H2 bị phát hiện thì T và C thống nhất để C lo liệu cho H7.

Tháng 04/2024, "Toa Lững Mật" thông báo cho Nguyễn Văn H7 lịch bay vào ngày 30/4/2024 tại Đà Nẵng. Ngày 26/4/2024, Nguyễn Anh C đã liên hệ và nhờ Trần Văn H nhận giúp thị thực Ba L1 và hợp đồng lao động của Nguyễn Văn H7 (cùng với thị thực, hợp đồng của Dương Hải N2, Trần Thanh V2, Nguyễn Quang Đ1 Dủng nêu trên) và nhờ H gửi số tài liệu, đồ vật này về Đà Nẵng cho Lương Minh Đ để Đ hướng dẫn cho H7 xuất cảnh. Sau đó, H7 đã được Lương Minh Đ hướng dẫn khai báo xuất cảnh, H7 sẽ cùng Dủng xuất cảnh tại Sân bay quốc tế T và đã xuất cảnh thành công sang Thái Lan, nhưng khi chuẩn bị đi Ba Lan thì bị Hải quan Thái Lan phát hiện thị thực giả sau đó H7 đã nhập cảnh trở về Việt Nam.

Đối với việc tổ chức cho Nguyễn Xuân H8 xuất cảnh :

Khoảng tháng 7/2023, Nguyễn Xuân H8 thông qua bạn bè trong xóm làng đã liên hệ được với một đối tượng tên "V" (chưa rõ lai lịch, đang ở Đức; bạn của Nguyễn Anh C). Theo thỏa thuận, H8 phải trả tổng cộng 17.000 EURO (tương

đương khoảng 425.000.000 VNĐ) cho "V" để làm hồ sơ xin thị thực đi Ba Lan lao động. Theo yêu cầu của "V", ngày 28/7/2023, H8 đã cọc tiền bằng cách chuyển khoản vào tài khoản 0377953120 mang tên Lê Thị Hằng M (SN: 1997; HKTT: Trúc Ly, V, Quảng Ninh, Quảng Bình) số tiền 75.000.000 VNĐ.

Ngày 31/7/2023, theo yêu cầu của "V", H8 đã đưa hộ chiếu của H8 cho một người bạn của "V" (chưa xác định), để người này gửi qua Đ cho "V" để làm thị thực đi Ba Lan. Ngày 01/8/2023, theo yêu cầu của "V", H8 chuyển tiếp 25.000.000 VNĐ cho "V" vào số tài khoản Lê Thị Hằng M nói trên. Cũng trong ngày 01/8/2023, "V" đã gửi cho H8 hình ảnh thị thực của H8 đề nghị Hào kiểm tra xem thông tin trên thị thực đã đúng chưa, yêu cầu H8 coi nhanh để "V" thu hồi. Ngày 03/8/2023, "V" tiếp tục đề nghị H8 thanh toán số tiền còn lại, H8 theo yêu cầu của "V" chuyển khoản vào số tài khoản 53110000620639 tên Lê Thị My N3 (SN: 1994; HKTT: Trúc Ly, V, Quảng Ninh, Quảng Bình) số tiền 325.000.000 VNĐ là toàn bộ số tiền còn lại.

Khoảng ngày 30/10/2023, "V" tiếp tục đề nghị H8 chuyển thêm 25.000.000 VNĐ, sau khi qua Ba Lan thì "V" sẽ trả lại cho H8. Tổng cộng H8 đã thanh toán cho "V" 450.000.000 VNĐ. Sau đó, "V" nói H8 chờ "V" gửi thị thực về cho H8 để xuất cảnh. Đến ngày 26/4/2024, Nguyễn Anh C đã gửi thị thực Ba Lan, hợp đồng lao động của Nguyễn Xuân H8 từ Đ về Việt Nam cho Trần Văn H (cùng với số thị thực, hợp đồng của Dương Hải N2, Trần Thanh V2, Nguyễn Quang Đức D, Nguyễn Văn H7), sau đó C đã gửi cho H địa chỉ của Nguyễn Xuân H8 và nhờ H gửi thị thực Ba L1 cho H8 để H8 chuẩn bị xuất cảnh.

Đối với hợp đồng lao động của H8 thì Trần Văn H đã gửi cho Võ Thị Thủy T, sau đó C đã cho T địa chỉ của H8 để T gửi về nhưng chưa gửi thì T bị Cơ quan điều tra bắt giữ. Nguyễn Xuân H8 vẫn chưa xuất cảnh được vì không liên lạc lại được với đối tượng "V".

Đối với việc tổ chức cho Nguyễn Văn T4, Trần Ngọc T5, Nguyễn Tuấn A1 xuất cảnh trái phép:

- Vào khoảng tháng 7, tháng 8 năm 2023, Nguyễn Văn T4 thông qua mạng xã hội đã liên hệ được với một đối tượng (chưa rõ lai lịch) làm hồ sơ xin thị thực qua Ba Lan làm việc liên quan đến thu hoạch hoa quả, làm vườn. Chi phí cho việc làm hồ sơ là 7.000 EURO, nhưng T4 yêu cầu phải có thị thực mới thanh toán cho người này. Đến khoảng tháng 11 năm 2023, T4 theo hướng dẫn của người làm thị thực đã chuyển phát bản gốc hộ chiếu của Tân qua B1 để tiến hành thủ tục xin thị thực Ba Lan và quá trình xin thị thực T4 cũng không làm bất kỳ thủ tục gì tại Đại sứ quán B tại Việt Nam. Đến tháng 4/2024, đối tượng làm thị thực đã liên lạc với T4 gửi hình ảnh visa Ba Lan số 081443548 có hình ảnh chân dung và thông tin cá nhân của Tân qua cho T4 xem. Đồng thời yêu cầu T4 thanh toán tiền, nhưng T4

không đồng ý và đề nghị rằng khi nào T4 nhận được bản gốc visa thì mới thanh toán. Nguyễn Văn T4 khai nhận: Từ sau thời điểm tháng 4/2024 đến nay thì T4 cũng mất liên lạc với người làm thị thực Ba Lan, do đó chưa thể xuất cảnh được.

- Vào giữa năm 2023, vì có nhu cầu xuất cảnh đi C lao động nên Trần Ngọc T5 đã thông qua mạng xã hội biết đến một đối tượng sử dụng zalo "Tiến lên", "Không tên" (qua điều tra xác định zalo của Nguyễn Anh C cũng có tên này). "Không tên" và T5 giao hẹn sẽ làm visa Ba Lan cho T5 qua lao động. Chi phí mà T5 đã trả tổng cộng là khoảng 15.000 EURO, bằng hình thức chuyển khoản (hiện chưa xác định). Trong quá trình làm hồ sơ, Thân gửi hộ chiếu của bản thân ra Hà Nội, sau đó hộ chiếu của T5 được chuyển đến Đ cho đối tượng "Không tên" để làm visa cho T4. Trước mỗi lần Thân thanh toán tiền thì "Không tên" có gửi lần lượt hợp đồng lao động, hình ảnh visa Ba Lan cho T5 xem. Tuy nhiên, T5 phát hiện visa Ba Lan của T5 bị sai thông tin nên nghi ngờ về tính hợp pháp của visa Ba L1 mà "Không tên" làm. Do đó, T5 rút hồ sơ không làm nữa. Sau đó theo đề nghị của T5 thì "Không tên" đã trả lại tiền bằng tiền mặt.

- Đối với Nguyễn Tuấn A1: Cơ quan An ninh điều tra Công an thành phố Đ2 đã tổ chức xác minh và triệu tập lấy lời khai đối tượng nhưng không có mặt tại nơi cư trú. Vì vậy vẫn chưa làm rõ được làm hồ sơ xin thị thực Ba Lan.

Qua điều tra xác định: Ngày 22/4/2024, Nguyễn Anh C đã nhờ Võ Thị Thủy T nhận giúp 03 hộ chiếu dán thị thực Ba Lan của Nguyễn Văn T4, Trần Ngọc T5, Nguyễn Tuấn A1 kèm 03 hợp đồng lao động B2 (cùng với 02 hộ chiếu, thị thực, hợp đồng lao động của Phạm Văn T1 và Đoàn Thị H2). Việc gửi thị thực Ba L1 và hợp đồng lao động của Nguyễn Văn T4, Nguyễn Tuấn A1, Trần Ngọc T5 cũng do T nhờ Trần Quốc A gửi về cùng với số thị thực, hợp đồng của 02 khách Phạm Văn T1 và Đoàn Thị H2 (nêu trên). Bản thân Trần Quốc A cũng không biết gì về quy trình làm thị thực Ba Lan của T4, Tuấn A1 và T5 mà chỉ nhận chuyển giúp cho T từ Đức về Việt Nam vì mối quan hệ thân thiết.

Đối với số thị thực Ba Lan và hợp đồng lao động trên thì T chỉ mới nhận và giữ giúp cho C, vì C chưa chỉ đạo gì nên T chưa làm gì cho khách.

Về kết quả xác minh tại các Cơ quan có thẩm quyền, liên quan đến điều kiện xuất cảnh của 13 công dân Việt Nam:

- Tiến hành xác minh tại Đại sứ quán B tại Việt Nam, qua đó kết luận: Cơ quan có thẩm quyền duy nhất cấp thị thực nhập cảnh Ba Lan đối với công dân Việt Nam đang cư trú tại Việt Nam là Đại sứ quán B tại Việt Nam (trụ sở tại Hà Nội). Toàn bộ các công dân đề nghị cấp thị thực nhập cảnh Ba Lan loại "D" đều phải nộp hồ sơ trực tiếp tại Đại sứ quán B tại Việt Nam. Trong khi đó, các bị cáo Nguyễn Anh C, Võ Thị Thủy T, Trần Văn H mặc dù biết rõ quy trình cấp thị thực Ba Lan cho công dân Việt Nam phải tuân thủ theo quy định nói trên nhưng vẫn

làm trái quy định. Các bị cáo nhận thức số khách này không đủ điều kiện để xuất cảnh nhưng vẫn thực hiện hành vi phạm tội vì động cơ vụ lợi.

- Tiến hành xác minh tại Cục Q2 ngoài nước – Bộ L3, qua đó xác định: Toàn bộ 13 công dân nói trên đều không nằm trong danh sách công dân Việt Nam đi nước ngoài lao động theo hợp đồng (Quy định tại Luật Người lao động Việt Nam đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng).

Về số tiền thu lợi bất chính của các bị cáo:

- Đối với bị cáo Võ Thị Thủy T:

+ Bị cáo Võ Thị Thủy T đã nhận tổng cộng 927.900.000 VNĐ (chuyển khoản) và 32.000 EURO (tiền mặt) của 04 người khách là Dương Hải N2, Bùi Kiều H3, Nguyễn Phi N1, Nguyễn Mạnh H4. Sau đó đã gửi cho Nguyễn Anh C 641.878.000 VNĐ (chuyển khoản) và 15.000 EURO (tiền mặt) để thanh toán tiền làm hồ sơ. Ngày 24/3/2024, bị cáo Tiên hoàn lại 225.000.000 VNĐ (chuyển khoản) cho Bùi Kiều H3, Nguyễn Phi N1, Nguyễn Mạnh H4. Còn thu lợi: 17.000 EURO và 61.022.000 VNĐ.

+ Bị cáo Võ Thị Thủy T nhận 50.000.000 VNĐ từ Nguyễn Anh C để mua vé máy bay cho Đoàn Thị H2 và Phạm Văn T1 xuất cảnh. Sau đó đã sử dụng: 44.245.860 VNĐ. Còn thu lợi: 5.754.140 VNĐ.

- Đối với bị cáo Trần Văn H đã nhận từ Nguyễn Anh C 5.000.000 VNĐ (chuyển khoản).

- Đối với bị cáo Lương Minh Đ đã nhận từ Nguyễn Anh C 5.000.000 VNĐ (chuyển khoản).

- Đối với bị can Nguyễn Anh C đã nhận từ Võ Thị Thủy T 641.878.000 VNĐ (chuyển khoản) và 15.000 EURO (tiền mặt) trong việc làm thị thực Ba Lan cho số khách Dương Hải N2, Bùi Kiều H3, Nguyễn Phi N1, Nguyễn Mạnh H4.

Với nội dung nêu trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 48/2025/HS-ST ngày 10/4/2025 và Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số 25/2025/TB-TA ngày 15/6/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

1. Về tội danh: tuyên bố bị cáo Võ Thị Thủy T phạm tội "Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép".

2. Về hình phạt: căn cứ điểm b khoản 3 Điều 348; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt Võ Thị Thủy T 07 (Bảy) năm 06 (S1) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bị bắt, ngày 04/5/2024.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn quyết định về tội danh, điều luật áp dụng và mức hình phạt đối với các bị cáo Trần Văn H, Lương Minh Đ, xử lý vật chứng, án phí và quyền kháng cáo.

Sau khi xét xử sơ thẩm:

Ngày 22/4/2025, bị cáo Võ Thị Thủy T kháng cáo bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Bị cáo Võ Thị Thủy T trình bày giữ nguyên Đơn kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án như sau:

Về tố tụng: kháng cáo của bị cáo Võ Thị Thủy T là trong thời hạn luật định.

Về nội dung: Toà án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo Võ Thị Thủy T về tội "Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép" theo điểm b khoản 3 Điều 348 Bộ luật Hình sự và xử phạt Võ Thị Thủy T 07 (Bảy) năm 06 (S1) tháng tù là có căn cứ, đúng tội, đúng pháp luật. Sau xét xử sơ thẩm bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Luật sư bào chữa cho bị cáo phát biểu: Tiên liên hệ trực tiếp với 04 khách là H3, N1, H4, N2. Ngoài ra, T còn giúp cho 04 khách của Nguyễn Anh C là T1, H2, H1, H8. T đều tin tưởng C làm visa thật cho khách, do đó nếu C giao visa giả thì T bị C lừa dối, nên không là đồng phạm của C. Số tiền T nhận sau khi trừ chi phí và chuyển cho C thì T thu lợi bất chính là 418.540.000đ. Toà án cấp sơ thẩm cho rằng T thu lợi bất chính số tiền đã trả lại trước khi bị khởi tố 225.000.000đ là không chính xác. Tiên chủ động khai báo, nộp Hộ chiếu, Hợp đồng lao động của 03 khách hàng… là tích cực giúp đỡ các cơ quan có trách nhiệm phát hiện hoặc điều tra tội phạm theo điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo tác động gia đình hoàn trả cho bị hại, nên được áp dụng điểm b khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Toà án cấp sơ thẩm buộc T đối với 08 trường hợp làm thủ tục xuất cảnh, trong đó 01 trường hợp xuất cảnh được, còn 07 trường hợp thì không, do đó phải áp dụng là phạm tội chưa đạt. Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Căn cứ các tài liệu chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, người tham gia tố tụng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

[1] Về tố tụng:

Ngày 22/4/2025, bị cáo Võ Thị Thủy T kháng cáo Bản án hình sự sơ thẩm số 48/2025/HS-ST ngày 10/4/2025 của Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng. Như vậy, kháng cáo của bị cáo là trong thời hạn luật định. Do vậy, Hội đồng xét xử xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Võ Thị Thủy T:

[2.1] Về hành vi phạm tội:

Tại phiên toà xét xử phúc thẩm, bị cáo Võ Thị Thủy T khai nhận: trong khoảng thời gian từ năm 2023 đến ngày 30/4/2024, xuất phát từ động cơ vụ lợi, Nguyễn Anh C đã móc nối với Võ Thị Thủy T để T trực tiếp liên lạc, nhận làm thị thực Ba Lan loại "D" cho 04 công dân Việt Nam và tham gia giúp sức, hướng dẫn xuất cảnh cho 04 công dân Việt Nam khác để đưa các công dân này trốn sang Ba Lan. T biết rõ việc C làm thị thực Ba Lan cho các công dân này là trái quy định pháp luật (không nộp hồ sơ trực tiếp tại Đại sứ quán B tại Việt Nam, không phỏng vấn, không lăn tay); các công dân nói trên cũng không đủ điều kiện xuất cảnh đi Ba Lan lao động. Tổng số tiền mà T đã nhận của 04 khách (Dương Hải N2, Bùi Kiều H3, Nguyễn Phi N1, Nguyễn Mạnh H4) là 927.900.000 đồng và 32.000 Euro, sau đó chuyển cho Nguyễn Anh C 641.878.000 đồng và 15.000 Euro. Ngoài ra, T còn nhận của Nguyễn Anh C 50.000.000 đồng (trong việc tổ chức cho Đoàn Thị H2 và Phạm Văn T1), đã sử dụng 44.245.860 đồng, còn thu lợi 5.754.140 đồng. Như vậy, tổng số tiền mà Võ Thị Thủy T đã thu lợi bất chính là 291.776.140 đồng và 17.000 Euro, tương đương 730.997.320 đồng (với tỷ giá quy đổi theo công bố của Ngân hàng N6 từ ngày 02/5/2024 đến ngày 08/5/2024 là 1 Euro = 25.836,54 VNĐ). Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm có căn cứ khẳng định: Toà án cấp sơ thẩm kết án bị cáo Võ Thị Thủy T về tội "Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép" là có căn cứ, đúng tội.

[2.2] Điều luật áp dụng và mức hình phạt:

Bị cáo Võ Thị Thủy T tổ chức cho 08 công dân Việt Nam trốn sang Ba Lan lao động trái phép, thu lợi bất chính số tiền 730.997.320 đồng nên phạm tội thuộc trường hợp "Thu lợi bất chính 500.000.000 đồng trở lên" quy định tại điểm b khoản 3 Điều 348 Bộ luật Hình sự quy định mức hình phạt tù từ 07 năm đến 15 năm, phạm tội thuộc trường hợp rất nghiêm trọng. Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến trật tự quản lý nhà nước về lĩnh vực xuất cảnh, nhập cảnh. Toà án cấp sơ thẩm đã nhận định, đánh giá về tính chất hành vi, hậu quả do hành vi phạm tội gây ra. Từ đó, áp dụng các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho bị cáo theo đúng quy định của pháp luật và xử phạt bị cáo 07 (Bảy) năm 06 (S1) tháng tù là có căn cứ.

[3] Sau khi xét xử sơ thẩm, bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới (tại phiên toà xét xử phúc thẩm Luật sư cung cấp chứng cứ thể hiện mẹ bị cáo là người có công được tặng thưởng Huân chương, nhưng đã được Toà án cấp sơ thẩm áp dụng). Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[5] Án phí dân sự phúc thẩm: bị cáo phải chịu theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

1. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật Tố tụng hình sự. Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo Võ Thị Thủy T, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

2. Về tội danh: tuyên bố bị cáo Võ Thị Thủy T phạm tội "Tổ chức cho người khác xuất cảnh trái phép".

3. Về hình phạt: Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 348; điểm g khoản 1 Điều 52; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự. Xử phạt Võ Thị Thủy T 07 (Bảy) năm 06 (S1) tháng tù. Thời gian chấp hành hình phạt tù kể từ ngày bị bắt, ngày 04/5/2024.

4. Án phí dân sự phúc thẩm: bị cáo Võ Thị Thủy T phải chịu 300.000 đồng.

5. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Thành viên Hội đồng xét xử **Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa**

Lê Văn Thường **Nguyễn Tấn Long** **Trần Quốc Cường**